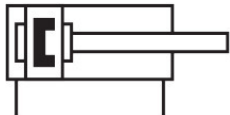


**Xi-lanh tròn**  
**DSNU-40-15-P-A**  
Số bộ phận: 5262530

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                              | Giá trị                                                       |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                            | 15 mm                                                         |
| Ø pít tông                                            | 40 mm                                                         |
| Ren thanh pít tông                                    | M12x1,25                                                      |
| Đệm                                                   | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                       |
| Vị trí lắp đặt                                        | bất kì                                                        |
| Cấu trúc xây dựng                                     | Pít tông<br>Cần piston<br>Thân vỏ xy lanh                     |
| Phát hiện vị trí                                      | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                      | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar                             |
| Nguyên tắc vận hành                                   | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                 | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                         | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                        | -20 °C...80 °C                                                |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi | 633.3 N                                                       |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống | 752.9 N                                                       |
| Khối lượng di chuyển                                  | 254 g                                                         |
| trọng lượng sản phẩm                                  | 697 g                                                         |
| Kiểu gắn                                              | với phụ kiện                                                  |
| Cổng nối khí nén                                      | G1/4                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu phủ                                          | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu của phốt                                     | NBR<br>TPE-U (PU)                                             |
| Vật liệu thanh piston                                 | thép hợp kim                                                  |
| Vật liệu vỏ xy lanh                                   | thép hợp kim không gỉ                                         |